

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4697/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng;  
thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở An toàn thực phẩm tại Tờ trình số 3984/TTr-SATTP ngày 21 tháng 7 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

1. Thủ tục hành chính *Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế*, mã thủ tục 1.013855, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027. Bãi bỏ nội dung công bố danh mục thủ tục hành chính có thứ tự 9 ban hành kèm theo Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm.

2. Thủ tục hành chính *Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu*, mã thủ tục 1.003524, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung công bố danh mục thủ tục hành chính có thứ tự 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở An toàn thực phẩm, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG;  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ  
LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4697/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**A. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng**

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện                                                                                                                       | Cơ quan thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phí, lệ phí             | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (mã thủ tục 1.013855) | 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh:<br>+ Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức.<br>+ Khu vực II: Tòa nhà | 1. Ủy ban nhân dân phường, xã thực hiện tiếp nhận và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (trừ các cơ sở trong chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản | Theo quy định hiện hành | - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.<br>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.<br>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.<br>- Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                        | Cơ quan thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                        |                     | <p>Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương.<br/>+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> | <p><i>do Sở An toàn thực phẩm quản lý).</i></p> <p><b>2.</b> Ủy ban nhân dân đặc khu Côn Đảo tiếp nhận và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn đặc khu Côn Đảo.</p> <p><b>3.</b> Sở An toàn thực phẩm Cấp giấy cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở còn lại (<i>cơ sở không thuộc phạm vi đã Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường, xã và đặc khu Côn Đảo theo Quyết định số 464/QĐ-SATTP ngày 10/7/2026 của</i></p> |             | <p>an toàn thực phẩm.</p> <p>- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;</p> <p>- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;</p> <p>- Quyết định số 464/QĐ-SATTP ngày 10/7/2026 của Sở An toàn thực phẩm về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu Côn Đảo thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở “kinh doanh dịch vụ ăn uống” trên địa bàn</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện      | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|------------------------|-------------|----------------|
|    |                        |                     |                    | Sở An toàn thực phẩm). |             | Thành phố.     |

**B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn**

| TT | Tên thủ tục hành chính                                       | Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu (mã số thủ tục 1.003524). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 27/2026/TTBNNMT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> <li>- Quyết định số 2737/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul> |